

Số: 3450 /TB-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 8 năm 2024

KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Số: 204

ĐẾN Ngày: 21/8/24

Chuyên: T. H. C. H. T. Đ. T. S. V.

Số và ký hiệu HS:

THÔNG BÁO

Mức thu học phí năm học 2024 - 2025

tại các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc Đại học Đà Nẵng

Thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số 71/NQ-HĐDH ngày 16/8/2024 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) về việc thông qua mức thu học phí năm học 2024 - 2025 của ĐHĐN, Giám đốc ĐHĐN thông báo mức thu học phí năm học 2024 - 2025 đối với các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc ĐHĐN như sau:

STT	Tên trường, hệ đào tạo	Mức thu
1	TRƯỜNG Y DƯỢC (Đơn giá tín chỉ không bao gồm học phí GDQP&AN)	
1.1	Khối ngành Y -Dược	
	Y Khoa (khóa 19,20,21,22,23,24)	740.000 đồng/tín chỉ
	Dược học (khóa 20,21,22,23,24)	727.600 đồng/tín chỉ
	Răng Hàm Mặt (khóa 19,20,21,22,23,24)	834.500 đồng/tín chỉ
1.2	Khối ngành sức khỏe khác	
a.	Điều dưỡng	
	Khóa 21 - 22	564.000 đồng/tín chỉ
	Khóa 23 - 24	605.800 đồng/tín chỉ
b.	Kỹ thuật xét nghiệm (khóa 23 - 24)	614.900 đồng/tín chỉ
1.3	Lưu học sinh Lào, Campuchia	
	Khối ngành Y-Dược (Y Đa khoa, Dược học, Răng Hàm Mặt)	27.600.000 đồng/năm học
	Khối ngành sức khỏe khác (Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm)	20.900.000 đồng/năm học
2	TRUNG TÂM ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN	
2.1	Đào tạo từ xa – Trình độ Đại học	
2.1.1	Đối với Khóa 30 trở về trước (Số tín chỉ không bao gồm tín chỉ GDTC và GDQP)	
2.1.1.1	Đối với học kỳ bình thường	
	Khối ngành III	
	Luật	270.000 đồng/tín chỉ
	Kế toán	260.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	260.000 đồng/tín chỉ

	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	250.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý nhà nước	260.000 đồng/tín chỉ
2.1.1.2	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề	
	Khối ngành III	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề thực hiện thu 4.960.000 đồng/học viên.
	Luật	
	Kế toán	
	Quản trị kinh doanh	
	Khối ngành VII	
	Quản lý nhà nước	
2.1.2	Đối với khóa 31.1 và 31.2 (Số tín chỉ đã bao gồm tín chỉ GDTC và GDQP)	
2.1.2.1	Đối với học kỳ bình thường	
	Khối ngành III	
	Kế toán	260.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị Kinh doanh	260.000 đồng/tín chỉ
	Luật	270.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	250.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý nhà nước	260.000 đồng/tín chỉ
2.1.2.2	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề	
	Khối ngành III	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề thực hiện thu 4.960.000 đồng/học viên.
	Kế toán	
	Quản trị Kinh doanh	
	Luật	
	Khối ngành VII	
	Quản lý nhà nước	
2.1.3	Đối với Khóa 31.3 trở về sau (Số tín chỉ chưa bao gồm tín chỉ GDQP)	
	Khối ngành III	
	Kế toán	340.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị Kinh doanh	340.000 đồng/tín chỉ
	Luật	340.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	320.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý Nhà nước	340.000 đồng/tín chỉ
2.2	Đào tạo từ xa – Liên thông trình độ Đại học	
2.2.1	Đối với Khóa 30 trở về trước	
2.2.1.1	Đối với học kỳ bình thường	
a.	Khối ngành III	
	Luật	270.000 đồng/tín chỉ
	Kế toán	
	Từ trung cấp lên ĐH	260.000 đồng/tín chỉ
	Từ cao đẳng lên ĐH	260.000 đồng/tín chỉ

	Từ ĐH khối ngành kinh tế	260.000 đồng/tín chỉ
	Từ ĐH khối ngành khác	260.000 đồng/tín chỉ
b.	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	250.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý nhà nước	260.000 đồng/tín chỉ
2.2.1.2	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề	
	Khối ngành III	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề thực hiện thu 4.960.000 đồng/học viên.
	Luật	
	Kế toán	
	Khối ngành VII	
	Quản lý nhà nước	
2.2.2	Đối với khóa 31.1 và 31.2	
2.2.2.1	Đối với học kỳ bình thường	
	Khối ngành III	
	Kế toán	260.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị Kinh doanh	260.000 đồng/tín chỉ
	Luật	270.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	250.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý nhà nước	260.000 đồng/tín chỉ
2.2.2.2	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề	
	Khối ngành III	Đối với học kỳ thực tập, làm chuyên đề thực hiện thu 4.960.000 đồng/học viên.
	Kế toán	
	Quản trị Kinh doanh	
	Luật	
	Khối ngành VII	
	Quản lý nhà nước	
2.2.3	Đối với khóa 31.3 trở về sau	
2.2.3.1	Khối ngành III	
	Kế toán	340.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị Kinh doanh	340.000 đồng/tín chỉ
	Luật	340.000 đồng/tín chỉ
2.2.3.2	Khối ngành VII	
	Ngôn ngữ Anh	320.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý Nhà nước	340.000 đồng/tín chỉ
Học phí giáo dục quốc phòng khóa 31.4 (đại học) trở về sau thu theo thông báo của đơn vị giáo dục quốc phòng.		
3	KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH	1.200.000 đồng / sinh viên
4	KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT	Căn cứ mức thu học phí chương trình đào tạo đại trà chính quy của các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc ĐHĐN theo thông báo thu phí cho sinh viên

5	PHÂN HIỆU ĐHĐN TẠI KON TUM	
5.1	ĐH hệ chính quy	
5.1.1	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2022 trở về trước	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	391.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	415.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	405.000 đồng/tín chỉ
	Tài chính ngân hàng	402.000 đồng/tín chỉ
	Luật kinh tế	402.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Công nghệ thông tin	453.000 đồng/tín chỉ
	Kỹ thuật xây dựng	453.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	429.000 đồng/tín chỉ
	Quản lý nhà nước	442.000 đồng/tín chỉ
5.1.2	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2023 trở về sau	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	378.000 đồng/tín chỉ
	Giáo dục mầm non	378.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	415.000 đồng/tín chỉ
	Thương mại điện tử	415.000 đồng/tín chỉ
	Quản trị kinh doanh	405.000 đồng/tín chỉ
	Tài chính ngân hàng	402.000 đồng/tín chỉ
	Luật kinh tế	402.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Công nghệ thông tin	453.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành VII	
	Quản lý nhà nước	445.000 đồng/tín chỉ
5.2	ĐH hệ vừa làm vừa học	
5.2.1	Đại học	
	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2021 trở về sau	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	619.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	627.000 đồng/tín chỉ
	Luật kinh tế	608.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Kỹ thuật xây dựng	684.000 đồng/tín chỉ
5.2.2	Đại học liên thông từ Trung cấp - Đại	



	học	
	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2021 trở về sau	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	493.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	542.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Kỹ thuật xây dựng	592.000 đồng/tín chỉ
5.2.3	Đại học liên thông từ Cao đẳng - Đại học	
	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2021 trở về sau	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	431.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Kế toán	473.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành V	
	Kỹ thuật xây dựng	517.000 đồng/tín chỉ
5.2.4	Đại học liên thông người có bằng đại học (văn bằng 2)	
	Khóa nhập học tuyển sinh năm 2021 trở về sau	
	Khối ngành I	
	Giáo dục tiểu học	493.000 đồng/tín chỉ
	Khối ngành III	
	Luật kinh tế	526.000 đồng/tín chỉ
	Kế toán	542.000 đồng/tín chỉ
5.3	Học phí sinh viên nước ngoài Lào, Campuchia	
	Thuộc diện tỉnh Gia Lai gửi/năm	33.500.000 đồng/năm học

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc ĐHĐN triển khai thực hiện theo quy định của Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc (để th/hiện);
- Lưu: VT, KH-TC.



PGS. TS. Nguyễn Ngọc Vũ